

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH TUYÊN QUANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 214/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trước, sau kỳ họp thứ chín
Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giám sát năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 91/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri trước, sau kỳ họp thứ chín Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026 và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đánh giá việc giải quyết kiến nghị của cử tri trước, sau kỳ họp thứ chín Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX

Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản nhất trí nội dung Báo cáo số 91/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri trước, sau kỳ họp thứ chín Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026 với những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm chủ yếu sau:

1. Kết quả đạt được

1.1. Ủy ban nhân dân tỉnh đã nghiêm túc tiếp thu, chỉ đạo, phân công các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu phối hợp giải quyết kiến nghị của cử tri theo thẩm quyền. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đã tích cực kiểm tra, giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri. Chất lượng báo cáo kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri được nâng lên, nội dung cụ thể, cơ bản đúng vấn đề cử tri kiến nghị.

1.2. Đến nay, có 95/95 (tỷ lệ 100%) kiến nghị của cử tri do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển đến đã được các cơ quan, đơn vị xem xét, giải quyết, trả lời, trong đó: 32/95 kiến nghị (tỷ lệ 34%) đã được giải quyết xong; 45/95 kiến nghị (tỷ lệ 48%) đang được xem xét giải quyết hoặc đã có lộ trình giải quyết; 18/95 kiến

nghị (tỷ lệ 18%) được UBND tỉnh tiếp thu, trả lời nhưng do khó khăn về nguồn lực hoặc cần có cơ chế, chính sách của trung ương chưa thực hiện được. Cơ bản các kiến nghị có đủ cơ sở, điều kiện giải quyết đã được giải quyết; các kiến nghị do nguyên nhân khách quan chưa thể giải quyết đều được tiếp thu, trả lời cụ thể.

1.3. Nhiều kiến nghị của cử tri đối với việc thực hiện cơ chế, chính sách trong thực tiễn đã được giải quyết kịp thời, qua đó tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Hạn chế và nguyên nhân

2.1. Hạn chế

Việc giải quyết một số kiến nghị của cử tri chậm; số kiến nghị được giải quyết xong chiếm tỷ thấp (32/95 kiến nghị, tỷ lệ 34%); có nội dung kết quả giải quyết chưa đáp ứng nguyện vọng của cử tri.

Một số kiến nghị của cử tri về đất đai, đền bù giải phóng mặt đã được kiến nghị nhiều lần nhưng chưa được giải quyết, trả lời dứt điểm, tiến độ giải quyết còn chậm. Một số kiến nghị liên quan đến cơ chế, chính sách không có căn cứ để giải quyết, tuy nhiên các cơ quan, đơn vị, địa phương chậm hoặc chưa thông báo kịp thời để cử tri, nhân dân trên địa bàn biết, tiếp tục kiến nghị nhiều lần.

Một số kiến nghị của cử tri đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết trong báo cáo giám sát tại các kỳ họp trước nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

2.2. Nguyên nhân

Một số sở, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chưa thực hiện hết trách nhiệm trong việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

Công tác phối hợp giữa cơ quan chức năng với chính quyền địa phương trong quá trình xem xét, giải quyết kiến nghị của cử tri có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, chưa kịp thời dẫn đến một số kiến nghị cử tri qua thời gian dài nhưng chưa giải quyết hoặc chưa được giải quyết dứt điểm.

Việc kiểm tra, đôn đốc giải quyết kiến nghị cử tri chưa được thường xuyên, chưa quyết liệt.

Một số kiến nghị liên quan đến chế độ, chính sách, đầu tư, nâng cấp, sửa chữa hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt... đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn trong khi khả năng ngân sách của tỉnh còn hạn chế, chưa đáp ứng ngay nguyện vọng của cử tri. Có kiến nghị của cử tri là những vấn đề đã được triển khai thực hiện từ nhiều năm trước, nội dung phức tạp nên khó khăn trong quá trình xem xét giải quyết.

3. Về trách nhiệm

Hạn chế trong việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri nêu trên có trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; nhất là sở, ngành, cơ quan, đơn vị được phân công, giao nhiệm vụ giải quyết kiến nghị của cử tri.

Điều 2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Để giải quyết kịp thời, hiệu quả, dứt điểm kiến nghị của cử tri, Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

1.1. Chỉ đạo các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường nâng cao trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết và phối hợp trong giải quyết các kiến nghị của cử tri đảm bảo chất lượng, hiệu quả và đúng thời gian quy định.

1.2. Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong thực hiện, phối hợp thực hiện việc giải quyết kiến nghị của cử tri, đảm bảo giải quyết kịp thời, có chất lượng các kiến nghị của cử tri.

1.3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với chính quyền cơ sở tích cực thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tới nhân dân. Chỉ đạo cơ quan báo chí và các cơ quan liên quan tăng cường thông tin, tuyên truyền về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri để cử tri biết, theo dõi và giám sát.

1.4. Rà soát, huy động, bố trí các nguồn lực để từng bước giải quyết những kiến nghị của cử tri về đầu tư cơ sở hạ tầng; phân loại đúng thực trạng kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri để có cơ sở tiếp tục chỉ đạo giải quyết, giám sát việc giải quyết.

1.5. Khẩn trương chỉ đạo khắc phục những hạn chế đã được chỉ ra trong báo cáo giám sát. Đối với các kiến nghị đã có đủ cơ sở, điều kiện để giải quyết nhưng tiến độ giải quyết chậm, đề nghị giải quyết dứt điểm, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả giải quyết trước ngày 30 tháng 11 năm 2025 để tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2025 theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

2.1. Tiếp tục thực hiện tốt hoạt động tiếp xúc cử tri, tăng cường tiếp xúc cử tri chuyên đề, tiếp xúc cử tri các cấp.

2.2. Tăng cường, nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri; xem xét việc giải quyết kiến nghị của cử tri tại phiên họp hàng tháng của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết kịp thời kiến nghị chính đáng của cử tri.

2.3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường nghiên cứu, nắm bắt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để tuyên truyền, giải thích, trả lời kiến nghị của cử tri; thông tin đầy đủ, kịp thời kết quả giải quyết các kiến nghị của cử tri tại các kỳ tiếp xúc cử tri.

3. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tiếp tục hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp tổ chức tiếp xúc giữa đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp với cử tri đảm bảo hiệu quả; đồng thời tăng cường phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết, trả lời các kiến nghị chính đáng của cử tri theo luật định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết tại các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin Điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân